

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/KDTM-PT
Ngày 12 - 8 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
cho thuê tài chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Kim Liên.

Các Thẩm phán: Bà Lại Thị Hiếu, ông Đỗ Tuấn Long.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 07/2025/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 05 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty C – Ngân hàng N (ALCI). Địa chỉ trụ sở chính: Số D, Phạm Ngọc T, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật:

Bà Trương Thị Xuân T1 – Chức vụ Tổng giám đốc (đến 01/10/2024).

Ông Dương Thanh S – Chức vụ Tổng giám đốc (từ ngày 01/10/2024 đến nay)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T2, Trưởng Phòng Kinh doanh (văn bản ủy quyền ngày 31/8/2023, ngày 06/11/2023).
Vắng mặt.

Bà Đặng Mai P (văn bản ủy quyền ngày 24/7/2025). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T3 – Luật sư Công ty L1 và các cộng sự. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần F (Trước là Công ty Cổ phần B). Địa chỉ trụ sở: Đường N, tổ A phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La (nay là Phường T, tỉnh Sơn La).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đàm Quang L – Chức vụ Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Văn phòng L2. Địa chỉ: Số D đường L, tổ C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La (nay là Phường C, tỉnh Sơn La). Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đức T4, Trưởng Văn phòng (Hợp đồng ủy quyền ngày 21/12/2024). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn Công ty C – Ngân hàng N và bị đơn Công ty Cổ phần F.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/12/2005 Công ty C – Ngân hàng N (viết tắt là ALCI) ký Hợp đồng cho thuê tài chính số 110/2005/ALCI với Công ty Cổ phần B (sau này đổi tên là Công ty cổ phần F), kèm theo 04 phụ lục hợp đồng về Mô tả tài sản thuê tài chính, Bảng tính tiền thuê tài chính, Biên bản xác nhận tài sản thuê, Biểu thuê.

Tài sản cho thuê là 01 xe ô tô 05 chỗ hiệu Mercedes Benz C240, biển kiểm soát 29X-9528. Mục đích sử dụng tài sản thuê phục vụ cho hoạt động kinh doanh hợp pháp của Công ty Cổ phần B (nay là Công ty cổ phần F). Tổng số tiền cho thuê (Điều 4 Hợp đồng) là tổng trị giá tài sản cho thuê: 1.202.639.000 đồng; gồm giá mua tài sản chưa có thuế GTGT 1.041.185.455 đồng, thuế GTGT 10% là 104.118.545 đồng, thuế trước bạ 5% là 57.265.000 đồng, phí đăng ký giao dịch bảo đảm 70.000 đồng. Thời hạn thuê 48 tháng. Ngày nhận nợ 22/12/2005. Ngày trả nợ cuối cùng 01/12/2009. Lãi suất cho thuê được áp dụng theo hình thức có điều chỉnh và được áp dụng kể từ ngày nhận nợ đến ngày 31/12/2006 là 1,05%/tháng hoặc 3,18%/quý. Trong tháng 01 hàng năm tiếp theo, căn cứ vào lãi suất huy động đầu vào (lãi suất điều chuyển vốn của Ngân hàng N cho ALCI), điều chỉnh lại lãi suất cho thuê đối với 12 tháng tiếp theo. Trường hợp để phát sinh nợ quá hạn, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn.

Ngày 17/5/2008, hai bên ký Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê tài chính số 01-110/PL-ALCI điều chỉnh lãi suất cho thuê từ ngày 01/7/2008 là 1,55%/tháng (4,72%/quý). Phương thức áp dụng lãi suất có điều chỉnh theo quý.

Hợp đồng có nội dung thỏa thuận: Bên thuê cam kết thanh toán tiền thuê đầy đủ, đúng hạn theo lịch thanh toán 16 kỳ hạn kèm theo Hợp đồng (Phụ lục

04B/ALCI) (khoản 1 Điều 7). Về đảm bảo thực hiện hợp đồng (Điều 8 Hợp đồng): Số tiền đặt cọc 362.000.000 đồng; ký cược 60.000.000 đồng. Khi bên thuê vi phạm hợp đồng ở mức không thể khắc phục được, bên cho thuê có toàn quyền thu hồi tài sản thuê hoặc bán tài sản thuê, cho thuê lại để bảo toàn vốn cho nhà nước (Điều 12, mục 1.10). Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán, bên thuê có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền còn thiếu. Quyền sở hữu tài sản luôn thuộc về bên cho thuê trong suốt thời hạn thuê và không bị ảnh hưởng trong bất kỳ trường hợp nào khi bên thuê phá sản, giải thể, mất khả năng thanh toán.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bên thuê không thanh toán tiền thuê tài chính đầy đủ, đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 1 Điều 7 “Thanh toán tiền thuê” của Hợp đồng thuê. Đại diện bên cho thuê đã rất nhiều lần trực tiếp đến trụ sở bên thuê làm việc và gửi văn bản yêu cầu thanh toán nhưng bên thuê không trả nợ. Vì vậy, ngày 12/6/2009, ALCI đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-THTS về thu hồi tài sản thuê tài chính nhưng không thu hồi được, do bên thuê không hợp tác. Bên cho thuê đã chuyển khoản tiền ký cược vào khoản thanh toán (khoản tiền đặt cọc đã trừ vào khoản thanh toán kỳ đầu tiên).

Công ty cổ phần B đổi tên là Công ty cổ phần F. Công ty C – Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu:

1. Công ty Cổ phần F phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty A toàn bộ số tiền tính đến hết ngày 30/9/2023 là 713.715.574 đồng (Bảy trăm mười ba triệu bảy trăm mười lăm nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng). Gồm nợ gốc 150.159.755 đồng; nợ lãi: 563.555.819 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn 16.285.455 đồng, nợ lãi quá hạn 547.270.364 đồng.

2. Buộc Công ty Cổ phần F phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính số 110/2005/ALCI ngày 21/12/2005, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án, quyết định cho đến ngày thực tế Công ty Cổ phần F trả hết nợ gốc cho Công ty A.

3. Trong trường hợp Công ty Cổ phần F không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Công ty A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản cho thuê tài chính 01 xe ô tô 05 chỗ hiệu Mercedes Benz C240, biển kiểm soát 29X-9528 thuộc quyền sở hữu của Công ty A và bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Cổ phần F để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn bổ sung yêu cầu số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 09/4/2025 là 609.735.311 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:*

Tại Đơn đề nghị ghi ngày 22/11/2024 do vợ là bà Dương Hải Y viết hộ, ông Đàm Quang L đề nghị Tòa án xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Tại Đơn đề nghị xem xét khoản thuê tài chính ngày 05/12/2024, ông Đàm Quang L xác nhận việc tháng 12 năm 2005 Công ty Cổ phần B ký kết hợp đồng với Công ty C (ALCI), tài sản thuê 01 chiếc ô tô 05 chỗ hiệu Mercedes Benz C240, biển số 29X-9528 để phục vụ doanh nghiệp và trình bày về lý do vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể là từ năm 2006, một số công trình, các tuyến mở đường mới tại huyện Q, tỉnh Sơn La đã được cấp phép thực hiện, dồn toàn lực đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ cho công trình, bị dừng thi công và cấp cho doanh nghiệp khác, mặc dù doanh nghiệp không phạm lỗi gì. Do vậy, doanh nghiệp bị cạn kiệt về nguồn vốn, phải dừng hoạt động. Năm 2010, Ban lãnh đạo công ty đã cử ông L sang nước Lào để liên hệ tìm công việc mới. Công ty đã đầu tư mở mới các tuyến đường, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ khai thác mỏ. Nhưng đến năm 2012, mỏ than của doanh nghiệp bị Chính phủ Lào cấp phép cho một công ty Trung Quốc chồng chéo lên diện tích mỏ than của công ty. Công ty phải dừng khai thác mỏ, một lần nữa mất việc và kiệt quệ về kinh tế. Cá nhân ông L vì các sức ép và lo lắng nên kiệt quệ về sức khỏe, mắc nhiều bệnh nan y, mãn tính, qua các năm diễn biến bệnh càng trầm trọng. Hiện hoàn toàn không có khả năng lao động, mọi việc phải nhờ sự giúp đỡ của người thân trong gia đình. Ông L đề nghị bên cho thuê miễn giảm phần nợ lãi cho doanh nghiệp, cho ông L nguyên là thành viên ban lãnh đạo công ty được trả phần nợ gốc còn lại cho Công ty A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn phòng L2) rút lại ý kiến ghi tại đơn ngày 05/12/2024 trên, giữ nguyên ý kiến của ông L tại đơn ngày 22/11/2024 về đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện; đề nghị xem xét việc đại diện nguyên đơn ký đơn khởi kiện không đúng thẩm quyền; đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện bị đơn trình bày về tình trạng công ty có 3 thành viên, một người khác đã chết, một người nữa hiện không rõ ở đâu; chiếc xe không còn do một thành viên công ty điều khiển xe đến biên giới giáp Lào bị rơi xuống vực, người điều khiển đã chết, công ty không còn lưu giữ các tài liệu gì về tai nạn, ông L không còn nhớ được thời điểm xảy ra vụ tai nạn.

Thời điểm ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số 110/2005/ALCI tên Công ty là công ty cổ phần B nhưng sau đã đổi tên thành Công ty cổ phần F.

* Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 160 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 269, khoản 5, 6 Điều 270 và khoản 2, 4 Điều 271, Điều 319 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30, các Điều 35, 39, 91, khoản 1 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

1. Công ty Cổ phần F có nghĩa vụ trả cho Công ty C thuê tài chính I Ngân hàng N số tiền thuê gốc chưa thanh toán 150.159.755 đồng (Một trăm năm mươi triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng) và số tiền lãi trong thời hạn của hợp đồng tính đến ngày 01/12/2009 là 16.285.455 đồng (Mười sáu triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi lăm đồng). Tổng cộng là: 166.445.210 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm mười đồng).

Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 110/2005/ALCI ngày 21/12/2005 và 05 Phụ lục kèm theo, gồm: 04 phụ lục Hợp đồng (Mô tả tài sản thuê tài chính, Bảng tính tiền thuê tài chính, Biên bản xác nhận tài sản thuê, Biểu thuê), Phụ lục số 01-110/PL-ALCI ngày 17/5/2008 về điều chỉnh Hợp đồng cho thuê tài chính.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/4/2025) cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần F còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính số 110/2005/ALCI ngày 21/12/2005 và Phụ lục số 01-110/PL-ALCI ngày 17/5/2008.

2. Trong trường hợp Công ty Cổ phần F không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền thì Công ty C – Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, thu hồi tài sản cho thuê gồm 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes, biển số 29X-9528, số máy 1231914743, số khung 615A721326 (theo Đăng ký xe ô tô số 0043263 do Phòng C1 Công an thành phố H cấp ngày 26/12/2005, chủ xe Công ty C – Ngân hàng N và theo tình trạng tài sản tại thời điểm xử lý, thu hồi).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/4/2025, nguyên đơn kháng cáo một phần bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 28/4/2025, bị đơn Công ty cổ phần F kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Điều 319 Luật Thương mại 2005

về thời hiệu khởi kiện, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C thuê, đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa hoặc huỷ toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 09/04/2025 về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn Công ty C – Ngân hàng N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Việc Tòa sơ thẩm không chấp nhận phần yêu cầu bên bị đơn trả nợ lãi quá hạn làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn có căn cứ xác định lại thời hiệu khởi kiện, hợp đồng kí kết giữa các bên vẫn còn hiệu lực.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 09/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La) về áp dụng thời hiệu khởi kiện và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất quá hạn. Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.260.000đ. Về quyền xử lý tài sản Công ty A có quyền thu hồi tài sản theo quy định của pháp luật.

Người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do bản án sơ thẩm bị sửa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Công ty A khởi kiện Công ty cổ phần F, yêu cầu Công ty cổ phần F trả tiền nợ gốc chưa thanh toán và tiền lãi trong thời hạn tính đến ngày 01/12/2009 theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 110/2005/ALCI ngày 21/12/2005. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính là chính xác.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vắng mặt tuy nhiên người đại diện cho bị đơn là Văn phòng L2 có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Về hợp đồng cho thuê tài chính: Công ty A được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp nhà nước với nội dung hoạt động cho thuê tài chính. Ngày 21/12/2005, Công ty A đã ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số 110/2005/ALCI với Công ty cổ phần B (sau đổi là Công ty cổ phần F). Ngày 17/5/2008, hai bên ký Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê tài chính số 01-110/PL-ALCI điều chỉnh lãi suất cho thuê từ ngày 01/7/2008 là 1,55%/tháng (4,72%/quý). Như vậy, về chủ thể ký kết hợp đồng và ý chí của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 1, Điều 7 Nghị định số 16/2001/NĐ – CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 65/2005/NĐ – CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ), Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Mục đích và nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Nội dung của Hợp đồng bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 16/2001/NĐ – CP về hợp đồng cho thuê tài chính, điểm 10.2 phần I Thông tư số 05/2006/TT – NHNN ngày 25/7/2006 của Ngân hàng N1 hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cho thuê tài chính và dịch vụ ủy thác cho thuê tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2001/NĐ – CP ngày 02/5/2001 và Nghị định số 65/2005/NĐ – CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ. Hợp đồng được ký kết phù hợp với quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005 về điều kiện của hiệu lực của giao dịch dân sự, các quy định của Nghị định số 16/2001/NĐ – CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 65/2005/NĐ – CP) như đã phân tích ở trên và cũng không thuộc trường hợp vi phạm điều cấm theo quy định tại Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005 nên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4] Về việc thực hiện hợp đồng:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp, xác định tính đến ngày 16/7/2018, tổng số tiền bên thuê đã trả cho bên cho thuê là 1.308.067.181đ, gồm tiền thuê gốc 1.052.479.245đ, tiền lãi 255.587.936đ. Nguyên đơn cho rằng số tiền gốc còn phải trả là 150.159.755đ; số lãi trong hạn tính đến ngày 01/12/2009 còn phải trả là 16.285.455đ; ngoài ra còn yêu cầu trả lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm 9/4/2025 là 609.735.311đ và đến thời điểm xét xử phúc thẩm là 614.760.296đ .

Xét thấy: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty cổ phần F đã vi phạm hợp đồng cho thuê tài chính, không trả đầy đủ tiền thuê theo thỏa thuận, vi phạm Điều 7 của hợp đồng. Đại diện công ty A đã nhiều lần trực tiếp đến trụ sở Công ty cổ phần F làm việc và gửi văn bản yêu cầu thanh toán dứt điểm nợ tồn đọng, thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng nhưng Công ty cổ phần F không thực hiện trả nợ theo cam kết (*Công ty A đã gửi các văn bản thông báo nợ đến hạn, quá hạn vào các ngày 15/6/2007, 10/10/2008, 01/12/2008, 05/01/2009, 04/02/2009*) và

Giấy mời ngày 04/01/2009 Công ty cổ phần F làm việc và bàn biện pháp thanh toán. Tuy nhiên công ty cổ phần F không hợp tác để cùng có giải pháp tháo gỡ. Theo hợp đồng và phụ lục 04b các bên đã tính toán tiền gốc và lãi phải trả đến thời hạn trả nợ cuối cùng (01/12/2009). Đó là thỏa thuận và cam kết bắt buộc đến hạn phải trả hết gốc và lãi đã được các bên tính toán. Tuy nhiên đến thời hạn cuối cùng trả tiền theo thỏa thuận, công ty cổ phần F không thực hiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với tiền nợ gốc, lãi trong hạn là có căn cứ.

[5] Về tài sản thuê và xử lý tài sản thuê: Tài sản cho thuê theo Hợp đồng cho thuê tài chính là 01 xe ô tô du lịch nhãn hiệu Mercedes Benz C240 (xe ô tô) có giá trị là 1.202.639.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng chiếc xe bị rơi xuống vực giáp biên giới với Lào nhưng không có tài liệu chứng minh; không có căn cứ xác định sự việc tai nạn; không có căn cứ chứng minh việc giao nhận quyết định thu hồi tài sản thuê nên Tòa án sơ thẩm không tiến hành được việc xem xét thẩm định tại chỗ, không xác định được tình trạng và giá trị còn lại của tài sản thuê.

Xét việc thu hồi tài sản của Công ty A không đảm bảo theo quy định tại Thông tư tịch 08/2007/TTLT-NHNN-BCA-BTP của Ngân hàng N1, Bộ C2 và Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thu hồi và xử lý tài sản cho thuê tài chính của công ty cho thuê tài chính nên việc không thu hồi được tài sản cũng có lỗi của Công ty cho thuê; điểm c Điều 2 Thông tư 08 quy định: Việc xử lý tài sản cho thuê được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về xử lý tài sản cho thuê thì việc xử lý tài sản cho thuê được thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Ngoài ra tại tiểu mục 1.2 mục 1 Điều 15 của Hợp đồng cho thuê tài chính các bên đã có thỏa thuận *“Hợp đồng chấm dứt theo điểm 1.2 Điều 14: Do bên B (công ty cổ phần F) vi phạm hợp đồng khi hợp đồng đã hết hiệu lực pháp luật, nên việc định đoạt tài sản cho thuê thu hồi trong trường hợp này hoàn toàn do bên A (Công ty A) quyết định”*. Thực tế hiện tại chiếc xe vẫn thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công ty A, do công ty cổ phần F đang quản lý (theo hợp đồng thuê tài sản). Công ty cổ phần F thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền thuê, việc xử lý tài sản cho thuê sau khi kết thúc hợp đồng thuê là do Công ty A quyết định theo quy định. Nên không cần thiết phải tuyên quyền thi hành án xử lý xử lý tài sản thuê trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền.

Công ty A không có yêu cầu xem xét bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hơn nữa, xét quá trình thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần F

đã trả được số tiền thuê là 1.308.067.181đ lớn hơn giá trị của tài sản cho thuê đảm bảo quyền lợi của Công ty A.

Theo hợp đồng cho thuê tài chính các bên không có thỏa thuận về việc xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Cổ phần F để thu hồi nợ do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Nội dung kháng cáo của nguyên đơn về số tiền lãi quá hạn và kháng cáo của bị đơn về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với đối với số tiền lãi quá hạn

Theo hợp đồng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 01/12/2009. Ngày 16/7/2009, Công ty cổ phần F thực hiện lệnh chuyển khoản cuối cùng. Sau đó, Công ty cổ phần F không thực hiện trả thêm khoản tiền nào. Ngày 12/6/2009, nguyên đơn ban hành quyết định thu hồi tài sản thuê. Ngày 31/3/2010, nguyên đơn chuyển khoản 3 (ba) đồng tiền ký cược thành khoản thanh toán. Ngày 16/7/2018, nguyên đơn tiếp tục chuyển khoản tiền ký cược còn lại 59.999.997 đồng thành khoản thanh toán. Bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Thời điểm tính thời hiệu của công ty A là thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm theo Điều 319 Luật Thương mại năm 2005 được tính từ ngày 16/7/2018. Đến năm 2023, Công ty A mới thực hiện việc khởi kiện nên xác định đối với yêu cầu này đã hết thời hiệu. Công ty cổ phần F đã có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án. Tòa án sơ thẩm không đình chỉ đối với phần yêu cầu này mà chỉ không chấp nhận phần yêu cầu và buộc nguyên đơn phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận là chưa đúng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, cần sửa đổi với nội dung này và trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp 16.260.000đ cho nguyên đơn.

[7] Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn về số tiền nợ gốc chưa thanh toán và số tiền lãi trong thời hạn của hợp đồng: Hội đồng xét xử xét thấy về số tiền này được tính đến ngày 01/12/2009, đây là số tiền thuê tài chính nên thuộc yêu cầu về quyền sở hữu tài sản thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí: Nguyên đơn Công ty A được trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp là 16.260.000đ. Nguyên đơn Công ty A và bị đơn Công ty Cổ phần F không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do bản án sơ thẩm bị sửa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 14/8/2024 về việc Tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Sơn La) như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A:

Buộc Công ty cổ phần F có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền thuê gốc chưa thanh toán 150.159.755 đồng (Một trăm năm mươi triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng) và số tiền lãi trong thời hạn của hợp đồng tính đến ngày 01/12/2009 là 16.285.455 đồng (Mười sáu triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi lăm đồng). Tổng cộng là: 166.445.210 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm mười đồng). Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 110/2005/ALCI ngày 21/12/2005 và 05 Phụ lục kèm theo, gồm: 04 phụ lục Hợp đồng (Mô tả tài sản thuê tài chính, Bảng tính tiền thuê tài chính, Biên bản xác nhận tài sản thuê, Biểu thuê), Phụ lục số 01-110/PL-ALCI ngày 17/5/2008 về điều chỉnh Hợp đồng cho thuê tài chính.

Công ty A có quyền xử lý đối với tài sản: 01 xe ô tô 05 chỗ hiệu Mercedes Benz C240, biển kiểm soát 29X-9528 thuộc quyền sở hữu của ALCI theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần F còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A: Đối với số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 09/4/2025 là 609.735.311 đồng.

1.3. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Trong trường hợp Công ty Cổ phần F không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì ALCI có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Cổ phần F để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Bị đơn Công ty cổ phần F phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 8.322.000đ (Tám triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.260.000đ (mười sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002576 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Sơn La)

2.2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn Công ty C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0003200 ngày 13/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Sơn La).

Trả lại cho bị đơn Công ty Cổ phần F số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003199 ngày 09/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày (12/8/2025).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./

Nơi nhận:

- TAND khu vực 1;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng GD, KTNV, TT và THA;
- Lưu HS-VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đieu Thị Kim Liên

